

Họ, tên thí sinh:
Số báo danh:

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

- Câu 1:** A 对于 B 社会上的 C 现象 D 要坚决抵制。(不良)
- Câu 2:** 这些模型都是 A 与实物一比二的 B 比例 C 缩小后 D 制成的。(按照)
- Câu 3:** A 站在那群 B 里边的 C 是大家喜欢的 D 影星。(最)
- Câu 4:** 很多 A 领导人都 B 曾经在 C 工作 D 过很长时间。(最普通的岗位上)
- Câu 5:** 应该 A 把 B 控制人口数量和 C 提高人口素质 D 为我国第一项基本国策。(确定)
- Câu 6:** 一位伟人说过: “不热烈 A 勇敢 B 追求 C 成功而能取得 D 成功, 世上绝无这样的人。”(地)
- Câu 7:** 你们怎么现在才回来 A ? 大家已经在这儿 B 等了 C 你们 D 了。(半天)
- Câu 8:** 我按他 A 的地址 B 找到了 C 他的家 D 。(留下来)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 9 đến câu 18.

(9)_____, 买东西总要上街去买, 现在, 呆在家里也能买到东西。网上购物已经成为一种新的购物方式。网上购物 (10)_____ 通过因特网来购物。在网上怎么样购物呢? 比如, 一家名 (11)_____ “啥都有” 的网上商店, 它的主页上列着商品种类的名称, 如化妆品、鞋帽、计算机、家用电器、服装等等。(12)_____ 你用鼠标点一下化妆品, 会展示一个关于化妆品的主页, 在这个主页上会有各种各样的品牌, 当你找到自己感兴趣的化妆品时, 用鼠标点一下, (13)_____ 出现一个网页, 上面详细介绍了该产品的特点、价格等有关问题。(14)_____, 网页上会有一个表格, 列有姓名、地址、购买数量、总金额、付钱方式等, 供你决定购买时填写。填了这个表格 (15)_____ 完成了购物, 商店会把东西送到你的家里。网上购物有几个优点: 首先, 你可以对感兴趣的商店做详细的了解。(16)_____, 你可以到各个网上商店了解各个品牌的情况, 十分方便。还有, 你不会 (17)_____ 上街购物那么累。对一部分消费者来说非常 (18)_____ 的一点是价格便宜。你自己可以试一试。

(摘自 百度网——百科知识, 有删改)

- Câu 9:** A. 以往 B. 往来 C. 目前 D. 将来
- Câu 10:** A. 而是 B. 还是 C. 不是 D. 就是
- Câu 11:** A. 起 B. 当 C. 成 D. 为
- Câu 12:** A. 如果 B. 既然 C. 不管 D. 哪怕
- Câu 13:** A. 却 B. 又 C. 也 D. 再
- Câu 14:** A. 因而 B. 因此 C. 相同 D. 同时
- Câu 15:** A. 还 B. 就 C. 将 D. 为了
- Câu 16:** A. 最后 B. 然后 C. 次要 D. 其次
- Câu 17:** A. 如 B. 具有 C. 像 D. 比
- Câu 18:** A. 重要 B. 重大 C. 主要 D. 主张

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 19 đến câu 23.

一般家庭都在早上起床后开窗换气，认为此时空气新鲜。其实，空气新鲜不新鲜，取决于污染的轻重，取决于污染源的多少。

当地面温度高于高空温度时，地面的空气上升，污染物容易被带到高空扩散；当地面温度低于高空温度时，天空中就容易形成“逆温层”，它像一个大盖子一样盖在地面上空，使地面空气中各种污染物难以扩散。一般在夜间、早晨和傍晚地面温度低于高空温度时，容易出现逆温层，所以，此时空气最不干净。白天太阳出来后，地面温度迅速上升，逆温层就会逐渐消散，于是污染物也就很快扩散了。

据科学家们检测，在一天二十四小时中，上午、中午和下午空气污染很轻，其中上午十点至下午三四点空气最为新鲜，所以此时换气最佳；早上、傍晚和晚上空气污染较为严重，其中尤以早上七点左右为污染高峰时间，空气最不新鲜。

(据1997年4月3日《羊城晚报》，有删改)

Câu 19: 为什么一般家庭在早上起床后开窗换气?

- A. 认为早上空气新鲜
- B. 起床后顺手开窗
- C. 早上天气凉快
- D. 认为早上的阳光对身体有好处

Câu 20: 什么时候开窗换气比较好?

- A. 下午和傍晚
- B. 上午和下午
- C. 晚上和夜间
- D. 早上和上午

Câu 21: 什么时候空气比较新鲜?

- A. 高空温度低于地面温度时
- B. 早上太阳刚出来时
- C. 地面温度和高空温度一样时
- D. 地面温度低于高空温度时

Câu 22: “逆温层”的主要作用是:

- A. 使污染物不易扩散
- B. 像盖子一样盖在地面上空
- C. 使污染物容易扩散
- D. 使地面温度低于高空温度

Câu 23: 本文没有提到的内容是:

- A. 开窗换气的最佳时间
- B. 污染物的来源
- C. 形成逆温层的原因
- D. 一般家庭开窗换气的习惯

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 24: 这个数码照相机质量很好，只是价钱有点儿贵，我买不起。

- A. 连词
- B. 副词
- C. 动词
- D. 名词

Câu 25: 出国学习这一年使我感受到独立生活的不易。

- A. 名词
- B. 代词
- C. 动词
- D. 形容词

Câu 26: 《红苹果别墅》这部电视连续剧很不错，我想接着看下去。

- A. 连词
- B. 副词
- C. 形容词
- D. 名词

Câu 27: 姐姐看着弟弟着急地问：“你的脸色怎么这么苍白呢？”

- A. 代词
- B. 副词
- C. 形容词
- D. 名词

Câu 28: 要是什么都要学就够你学一辈子的。

- A. 名词
- B. 代词
- C. 动词
- D. 量词

Câu 29: 离开老师已经近三十年了，但他仍然在我的记忆里行走、微笑。

- A. 介词
- B. 助词
- C. 副词
- D. 动词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 30: 小阮是个很爱面子的人，这次考试的成绩不太好，你千万别告诉别人。

- A. 把成功的经验告诉别人
- B. 希望自己成功
- C. 让别人看到好的方面
- D. 希望得到表扬

Câu 31: 我觉得营养过量和运动过少是造成很多人肥胖的原因。

- A. 不好 B. 缺乏 C. 太少 D. 太多

Câu 32: 中午他们都不回家吃饭，我倒省心了。

- A. 省钱了 B. 很高兴 C. 不用做饭 D. 不用担心

Câu 33: 这栋楼的居住条件这样差，相信很难会有理想的生活环境。

- A. 高效 B. 舒服 C. 合理 D. 满意

Câu 34: 嗨，小张都长大了，有的事你就睁一只眼，闭一只眼吧。

- A. 假装近视眼 B. 闭上眼睛 C. 只关心一半 D. 不用多管

Câu 35: 在妻子的要求下，丈夫除了让步就别无选择了。

- A. 不会选择让步 B. 没别的选择 C. 不忍心选择 D. 从不选择

Câu 36: 你别替他说情，这样的人再不教育就晚了。

- A. 说坏话 B. 介绍朋友 C. 说好话 D. 介绍情况

Câu 37: 骗人是要付出代价的，这你一开始就应该想到的。

- A. 受惩罚 B. 被批评 C. 挣不到钱 D. 价钱很高

Câu 38: 这样复杂的操作过程连大人都很难完成，更何况是十一二岁的孩子！

- A. 而且 B. 何必 C. 不但 D. 别说

Câu 39: 嫂子的性格很开朗，都四十岁了，但还那么年轻，真是“笑一笑，十年少”。

- A. 乐观能使人显得年轻 B. 性格好的人很年轻
C. 乐观的人不会变老 D. 爱笑的人能年轻十岁

Câu 40: 你放心吧，这个问题对我是小菜一碟，准办好。

- A. 很方便 B. 很容易 C. 愿意 D. 会做菜

Câu 41: 昨天我们在联欢会上唱歌唱得很过瘾。

- A. 好听 B. 很晚 C. 热闹 D. 痛快

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 42: Phiên âm đúng của từ 报刊 là: bào _____ ān.

- A. h B. g C. p D. k

Câu 43: Phiên âm đúng của từ 中毒 là: _____.

- A. zhōngdǔ B. zhōngdú C. zhòngdǔ D. zhòngdú

Câu 44: Phiên âm đúng của từ 脸颊 là: liǎnj_____.

- A. ié B. uán C. ía D. ián

Câu 45: Phiên âm đúng của từ 教书 là: _____.

- A. jiāoshù B. jiàoshū C. jiàoshù D. jiāoshū

Câu 46: Phiên âm đúng của từ 虔诚 là: _____ iánchéng.

- A. j B. x C. q D. m

Câu 47: Phiên âm đúng của từ 招揽 là: zhāol_____.

- A. ǎng B. iǎn C. ǎn D. ǐn

Câu 48: Phiên âm đúng của từ 规模 là: g_____ mó.

- A. uī B. uān C. iū D. ān

Câu 49: Phiên âm đúng của từ 自卑 là: zì_____ ēi.

- A. d B. n C. p D. b

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 50: 这样雄伟的_____, 竟然只用了半年的时间就完成了。

- A. 健筑 B. 建筑 C. 健巩 D. 建巩

- Câu 51:** 学生们要为祖国工业化、现代化的事业做出应有的_____。
- A. 贡献 B. 页献 C. 喷献 D. 贡楠
- Câu 52:** 时代不同了, 再按照老_____来做事就可能行不通了。
- A. 规臣 B. 规矩 C. 规矩 D. 规炬
- Câu 53:** 父母的_____说不完, 道不尽, 我们每个人要铭刻在心。
- A. 恩晴 B. 恩情 C. 恩情 D. 恩情
- Câu 54:** 她是我们学校品学_____的学生。
- A. 兼尤 B. 谦优 C. 谦尤 D. 兼优

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

- Câu 55:** 科学家_____这种反常的现象作出了令人信服的解释。
- A. 对于 B. 由于 C. 关于 D. 至于
- Câu 56:** 我们姐妹俩从小就养成了饭前洗手的_____。
- A. 习性 B. 习惯 C. 习俗 D. 练习
- Câu 57:** 那天我没有仔细看, 所以对他的才艺表演只是有一个_____的印象。
- A. 概念 B. 大批 C. 大约 D. 大概
- Câu 58:** 越南人民的胜利多么不容易_____!
- A. 呢 B. 啊 C. 吧 D. 啦
- Câu 59:** 我承认荣誉很有价值, _____我从来不曾为追求这些荣誉而工作。
- A. 甚至 B. 不过 C. 却 D. 则
- Câu 60:** 飞机_____就要起飞了, 请大家系好安全带。
- A. 马上 B. 顿时 C. 赶忙 D. 立刻
- Câu 61:** 你放心, 这种绿色食品_____受顾客欢迎, _____不愁没有市场。
- A. 除了……还…… B. 只要……就…… C. 不管……都…… D. 只有……才……
- Câu 62:** 只要打个电话人家就把货送来, 你_____要自己去呢?
- A. 不必 B. 何必 C. 一定 D. 未必
- Câu 63:** 到了红绿灯那儿_____右拐, 走不远就是儿童游乐区。
- A. 凭 B. 向 C. 给 D. 对
- Câu 64:** 王师傅设计的这套家具_____好看_____实用。
- A. 一边……一边…… B. 既……就…… C. 既……又…… D. 边……边……
- Câu 65:** 你怎么在这种场合开他的玩笑, 弄_____人家很尴尬。
- A. 地 B. 的 C. 着 D. 得
- Câu 66:** _____对外经济贸易谈判_____, 这位女部长常使对手折服。
- A. 在……下 B. 在……里 C. 在……中 D. 在……内
- Câu 67:** 酒后开车很危险, _____只喝了一点儿, 发生车祸的几率_____非常大。
- A. 不只……而且…… B. 不论……都…… C. 即使……也…… D. 要是……就……
- Câu 68:** 每天早餐过后, 我会走进书房, 读一读, 写一写, 累_____就泡一杯清茶, 听一首歌。
- A. 着 B. 过 C. 了 D. 得
- Câu 69:** 去年, 裁剪小组_____地完成了公司交给的任务, 因此得到领导的表扬。
- A. 出名 B. 出色 C. 优秀 D. 有名
- Câu 70:** 快要办出境手续了, 但护照_____找也找不着了, 王兰急得出了一身汗。
- A. 这样 B. 那么 C. 怎么 D. 什么

- Câu 71:** 音乐_____属于伟大的音乐家, _____属于茫茫人海中的每一个人。
 A. 因为……所以…… B. 不但……反而……
 C. 不仅……还…… D. 不论……都……
- Câu 72:** 今天正是个好机会, 我可以向他_____东南亚股票市场的情况。
 A. 知道 B. 了解 C. 明白 D. 理解
- Câu 73:** 自从开了自己的网店后, 我的生活跟以前完全不同了, 有时间就待在网上, _____逛街的兴趣都没了。
 A. 因为 B. 即使 C. 甚至 D. 不但
- Câu 74:** _____今年春季雨量充足, _____夏粮获得了大丰收。
 A. 一旦……就…… B. 固然……但是……
 C. 与其……不如…… D. 因为……所以……
- Câu 75:** _____知道那些都不是正当理由, 那你当时为什么还同意他请假呢?
 A. 即使 B. 既然 C. 虽然 D. 要是
- Câu 76:** 各所学校_____都提出为学生的德、智、体全面发展的计划, _____到目前为止未能彻底地实现。
 A. 既然……就…… B. 由于……因此……
 C. 虽然……但是…… D. 哪怕……也……
- Câu 77:** 花园_____的花卉不能摘, 你又不是不知道!
 A. 里 B. 中 C. 下 D. 上
- Câu 78:** _____少睡点儿觉, _____把这篇文章写完。
 A. 除非……要不…… B. 无论……也……
 C. 宁可……也要…… D. 尽管……但是……
- Câu 79:** 这么多事, 老张一个人怎么做得_____呢。
 A. 下去 B. 过来 C. 起来 D. 下来
- Câu 80:** 导游给我们介绍的这_____独柱寺是河内有名的景点之一。
 A. 座 B. 条 C. 根 D. 块

----- HẾT -----